

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN XUÂN MINH

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh;
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh ngày 28/3/2025.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua Báo cáo số 01/2025/BC-HĐQT ngày 25/02/2025 của HĐQT về hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2024, nhiệm kỳ 2020-2025 và Nhiệm vụ, kế hoạch công tác năm 2025, nhiệm kỳ 2025-2030.

Điều 2: Thông qua Báo cáo số 02/2025/BC-HĐQT ngày 25/02/2024 của HĐQT về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch năm 2025.

Điều 3: Thông qua Báo cáo số 01/2025/BC-BKS ngày 26/02/2025 của Ban kiểm soát Công ty về kết quả hoạt động năm 2024, phương hướng nhiệm vụ hoạt động năm 2025.

Điều 4: Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024 và Tờ trình số 01/2025/TT-BKS ngày 25/02/2025 của Ban kiểm soát về đề nghị ủy quyền lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025.

Điều 5: Thông qua Tờ trình số 01/2025/TT-HĐQT ngày 25/02/2025 của HĐQT về phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 và dự kiến năm 2025.

Điều 6: Thông qua Tờ trình số 02/2025/TT-HĐQT ngày 25/02/2025 của HĐQT về đề xuất thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025.

Điều 7: Thông qua Tờ trình số 03/2025/TT-HĐQT ngày 25/02/2025 của HĐQT về phương án nhân sự HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2025-2030.

7.1 Kết quả trúng cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2025-2030 như sau:

Ông: Phạm Văn Minh
Ông: Trịnh Nguyên Khánh
Ông: Nguyễn Thanh Phương
Bà : Phùng Thị Thu Huyền
Bà : Nguyễn Thị Thanh Thủy

7.2 Kết quả trúng cử thành viên BKS nhiệm kỳ 2025-2030 như sau:

Bà : Nguyễn Minh Hiếu

Bà : Nguyễn Thuận Huyền

Ông: Trần Xuân Ninh

Điều 8: Điều khoản thi hành

- Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 28/3/2025 của Công ty thông qua toàn văn tại cuộc họp với tỷ lệ biểu quyết đồng ý 100% và có hiệu lực kể từ ngày ký.
- Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát Công ty tổ chức triển khai thực hiện các nội dung trên phù hợp với Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

Nơi nhận:

- Các TV HĐQT, Ban GD, Ban KS (để t/h);
- Các Phòng ban chức năng của CTy (để t/h);
- Website Công ty (thay cho thông báo);
- Lưu VP.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ✓
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



Trịnh Nguyên Khánh

BIÊN BẢN

HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN XUÂN MINH

Tên doanh nghiệp : Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh.
Địa chỉ : Tầng 2 - Khu nhà QLĐH các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá.
Giấy chứng nhận ĐKKD : Số 2802200078 Ngày cấp: 03/10/2014
Thời gian họp : Bắt đầu lúc **09 giờ 30** phút ngày 28/3/2025
Kết thúc hồi **11 giờ 30** phút ngày 28/3/2025
Địa điểm họp: : Hội trường tầng 3-Khu nhà QLĐH các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá.
Chương trình và nội dung đại hội: : Theo chương trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua
Chủ toạ đại hội : Ông Trịnh Nguyên Khánh - Chủ tịch HĐQT Công ty
Thư ký đại hội: : Bà Đinh Thuỷ Lâm; Ông Lê Công Luân
Số đại biểu tham dự: : **06** cổ đông và người được uỷ quyền dự họp, đại diện cho **10.761.114** cổ phần, chiếm **71,74%** tổng số cổ phần biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết

DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI (Theo trình tự thời gian)

I. THỦ TỤC KHAI MẠC ĐẠI HỘI

- Ban tổ chức tiến hành đăng ký đại biểu tham dự đại hội.
- Ông Nguyễn Thanh Phương – Thay mặt Ban tổ chức tuyên bố khai mạc đại hội.
- Ông Nguyễn Thanh Phương – Đại diện Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo việc kiểm tra tính hợp lệ của Đại hội.
- Ông Nguyễn Thanh Phương – Đại diện Ban tổ chức giới thiệu đại biểu tham dự Đại hội, đề cử các thành viên trong Đoàn chủ tịch Đại hội và Đại hội đã nhất trí thông qua, gồm:
 - 1. Ông Trịnh Nguyên Khánh - Chủ tịch HĐQT Công ty
 - 2. Ông Phạm Văn Minh - Ủy viên HĐQT Công ty
 - 3. Ông Phạm Quang Minh - Tổng giám đốc Công ty
- Ông Nguyễn Thanh Phương – Đại diện Ban tổ chức, đề cử các thành viên của Ban thư ký Đại hội và Đại hội đã nhất trí thông qua, gồm:
 - 1. Bà Đinh Thuỷ Lâm - Trưởng ban
 - 2. Ông Lê Công Luân - Thành viên
- Ông Nguyễn Thanh Phương – Đại diện Ban tổ chức, đề cử các thành viên của Ban kiểm phiếu Đại hội và Đại hội đã nhất trí thông qua, gồm:
 - 1. Bà Lại Thị Thuỷ - Trưởng ban
 - 2. Ông Nguyễn Hùng Cường - Thành viên
 - 3. Ông Hoàng Trung Hiếu - Thành viên

- ĐHĐCĐ thông qua nội dung chương trình họp và Quy chế làm việc của ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh.
- Kết thúc thủ tục khai mạc hội nghị, ĐHĐCĐ bắt đầu chương trình Đại hội theo Chương trình, Nội dung đã được Đại hội thông qua và được đính kèm Biên bản này.

II. CÁC NỘI DUNG TRÌNH BÀY TẠI ĐẠI HỘI

- Ông Phạm Quang Minh – Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo Kết quả thực hiện SXKD năm 2024 và kế hoạch SXKD năm 2025.
- Ông Trịnh Nguyên Khánh – Chủ tịch HĐQT trình bày báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024, nhiệm kỳ 2020-2025 và nhiệm vụ, kế hoạch công tác năm 2025, nhiệm kỳ 2025-2030.
- Ông Trần Xuân Ninh – TV BKS Công ty, trình bày: Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động của Công ty trong năm 2024; Báo cáo tài chính tóm tắt năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán; Tờ trình thông qua lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty.
- Ông Trịnh Nguyên Khánh - Chủ tịch HĐQT trình bày: Tờ trình của HĐQT về phân phối lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính 2024; Tờ trình của HĐQT về phương án chi trả thù lao cho HĐQT, BKS Công ty năm 2025.

III. MIỄN NHIỆM VÀ BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HĐQT NHIỆM KỲ 2020-2025

- Ông Trịnh Nguyên Khánh trình bày trước Đại hội: Tờ trình thông qua Tờ trình về phương án nhân sự Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2025-2030 và đại hội đã nhất trí thông qua bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết.
- Cổ đông pháp nhân Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP (đại diện 7.650.000 cổ phần, chiếm 51% vốn điều lệ) giới thiệu các nhân sự đề cử thành viên HĐQT, BKS và đại hội đã nhất trí thông qua bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết như sau:

Đề cử thành viên HĐQT	Đề cử thành viên BKS
Ông: Phạm Văn Minh	Bà: Nguyễn Minh Hiếu
Ông: Trịnh Nguyên Khánh	Bà: Nguyễn Thuận Huyền
Ông: Nguyễn Thanh Phương	
Bà : Phùng Thị Thu Huyền	

- Cổ đông pháp nhân Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp (đại diện 2.590.000 cổ phần, chiếm 17% vốn điều lệ) giới thiệu các nhân sự đề cử thành viên HĐQT, BKS và đại hội đã nhất trí thông qua bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết như sau:

Đề cử thành viên HĐQT	Đề cử thành viên BKS
Bà: Nguyễn Thị Thanh Thủy	Ông: Trần Xuân Ninh

- Bà Lại Thị Thủy – Trưởng ban bầu cử và kiểm phiếu trình bày trước Đại hội quy chế bầu cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2025-2030 và đại hội đã nhất trí thông qua bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết.

IV. THẢO LUẬN

Các cổ đông đã thảo luận và chia sẻ ý kiến về việc nâng cao hiệu quả phát điện, và công tác điều hành quản trị tại Công ty. Ban điều hành xin tiếp thu các ý kiến của cổ đông và cam kết nỗ lực hơn nữa để đạt được kết quả cao hơn so với kế hoạch đặt ra.

V. BIỂU QUYẾT CÁC NỘI DUNG XIN Ý KIẾN ĐẠI HỘI

- Ông Trịnh Nguyên Khánh - Chủ tịch HĐQT xin ý kiến Đại hội biểu quyết các nội dung trình Đại hội thông qua.
- Bà Lại Thị Thủy – Trưởng ban kiểm phiếu điều hành phần bỏ phiếu biểu quyết các nội dung xin ý kiến Đại hội.
- Đại hội đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết thông qua các nội dung đã được trình bày tại Đại hội như ở phần trên.
- Đại hội nghị giải lao và Ban kiểm phiếu tiếp nhận hòm phiếu để thực hiện việc kiểm phiếu.

- Sau khi làm nhiệm vụ kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết cho từng nội dung như sau:
 - + Tổng số phiếu phát ra tại thời điểm tiến hành biểu quyết là 06 phiếu tương ứng với **10.761.114** quyền biểu quyết.
 - + Tổng số phiếu thu về tại thời điểm tiến hành biểu quyết 06 phiếu tương ứng với **10.761.114** quyền biểu quyết.
 - + Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ là 06 phiếu tương ứng với **10.761.114** cổ phần chiếm 100% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.
 - + Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ là 0 phiếu, tương ứng với 0 cổ phần chiếm 0% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.
- 1. **Nội dung 1: Thông qua Báo cáo số 01/2025/BC-HĐQT ngày 25/02/2025 của HĐQT về hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2024, nhiệm kỳ 2020-2025 và Nhiệm vụ, kế hoạch công tác năm 2025, nhiệm kỳ 2025-2030**
 - Tổng số cổ phần biểu quyết tán thành là **10.761.114** cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.
 - Tổng số cổ phần biểu quyết không tán thành là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.
 - Tổng số cổ phần biểu quyết không ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.
- 2. **Nội dung 2: Thông qua Báo cáo số 02/2025/BC-HĐQT ngày 25/02/2024 của HĐQT về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch năm 2025**
 - Tổng số cổ phần biểu quyết tán thành là **10.761.114** cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.
 - Tổng số cổ phần biểu quyết không tán thành là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.
 - Tổng số cổ phần biểu quyết không ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.
- 3. **Nội dung 3: Thông qua Báo cáo số 01/2025/BC-BKS ngày 26/02/2025 của Ban kiểm soát Công ty về kết quả hoạt động năm 2024, phương hướng nhiệm vụ hoạt động năm 2025**
 - Tổng số cổ phần biểu quyết tán thành là **10.761.114** cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.
 - Tổng số cổ phần biểu quyết không tán thành là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.
 - Tổng số cổ phần biểu quyết không ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.
- 4. **Nội dung 4: Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024 và Tờ trình số 01/2025/TT-BKS ngày 25/02/2025 của Ban kiểm soát về việc ủy quyền lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025**
 - Tổng số cổ phần biểu quyết tán thành là **10.761.114** cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.
 - Tổng số cổ phần biểu quyết không tán thành là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.
 - Tổng số cổ phần biểu quyết không ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.
- 5. **Nội dung 5: Thông qua Tờ trình số 01/2025/TT-HĐQT ngày 25/02/2025 của HĐQT về phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 và dự kiến năm 2025**

022000
ÔNG T
CỔ PHẦN
ỦY DIỆN
AN MINH
TÂN T. TH

- Tổng số cổ phần biểu quyết tán thành là **10.761.114** cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.
- Tổng số cổ phần biểu quyết không tán thành là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.
- Tổng số cổ phần biểu quyết không ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.

6. Nội dung 6: Thông qua Tờ trình số 02/2025/TT-HĐQT ngày 25/02/2025 của HĐQT về đề xuất thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025

- Tổng số cổ phần biểu quyết tán thành là **10.761.114** cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.
- Tổng số cổ phần biểu quyết không tán thành là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.
- Tổng số cổ phần biểu quyết không ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.

7. Nội dung 7: Thông qua Tờ trình số 03/2025/TT-HĐQT ngày 25/02/2025 của HĐQT về phương án nhân sự HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2025-2030

Kết quả bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2020-2025 như sau:

Nội dung	Số quyền bầu cử	Tỷ lệ	Kết quả
Đề cử thành viên HĐQT			
Ông: Phạm Văn Minh	10.761.114 cổ phần	100%	Trúng cử
Ông: Trịnh Nguyên Khánh	10.761.114 cổ phần	100%	Trúng cử
Ông: Nguyễn Thanh Phương	10.761.114 cổ phần	100%	Trúng cử
Bà : Phùng Thị Thu Huyền	10.761.114 cổ phần	100%	Trúng cử
Bà : Nguyễn Thị Thanh Thủy	10.761.114 cổ phần	100%	Trúng cử
Đề cử thành viên BKS			
Bà : Nguyễn Minh Hiếu	10.761.114 cổ phần	100%	Trúng cử
Bà : Nguyễn Thuận Huyền	10.761.114 cổ phần	100%	Trúng cử
Ông: Trần Xuân Ninh	10.761.114 cổ phần	100%	Trúng cử

VI. THỦ TỤC BẾ MẠC ĐẠI HỘI

1. Bà Đinh Thủy Lâm – Trưởng ban thư ký đọc Biên bản Đại hội để Đại hội thông qua.
2. Bà Đinh Thủy Lâm – Trưởng ban thư ký đọc Nghị quyết đại hội để Đại hội thông qua.
3. Đại hội đã nhất trí thông qua toàn văn Nghị quyết đại hội và Biên bản Đại hội ngay tại Đại hội với tỷ lệ biểu quyết đồng ý 100%.
4. Chủ tọa Trịnh Nguyên Khánh tuyên bố bế mạc đại hội.

Các tài liệu đính kèm biên bản:

1. Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2025;
2. Biên bản kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông năm 2025;
3. Biên bản kiểm phiếu bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2025-2030.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Đinh Thuỳ Lâm

CHỦ TOẠ ĐẠI HỘI



Trịnh Nguyên Khánh



Số: 01/2025/BC-HĐQT

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO

Về hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2024, nhiệm kỳ 2020-2025 và nhiệm vụ, kế hoạch công tác năm 2025, nhiệm kỳ 2025-2030

Kính gửi: Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh (HĐQT) kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động của HĐQT năm 2024, nhiệm kỳ 2020-2025 và nhiệm vụ, kế hoạch công tác năm 2025, nhiệm kỳ 2025-2030 như sau:

I. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Thời gian nhiệm kỳ: 2020-2025
2. Số lượng thành viên HĐQT: 05 thành viên
3. Cơ cấu thành viên HĐQT:

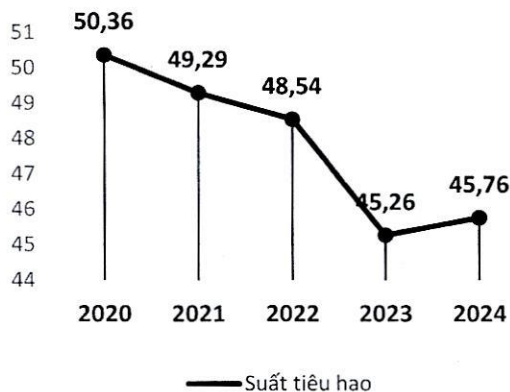
TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Trịnh Nguyên Khánh	Chủ tịch HĐQT	20/04/2021	
2	Ông Phạm Văn Minh	Thành viên HĐQT	20/04/2021	
3	Ông Nguyễn Thanh Phương	Thành viên HĐQT	26/03/2024	
4	Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT		
5	Bà Phùng Thị Thu Huyền	Thành viên HĐQT	25/05/2023	
6	Bà Nguyễn Thị Hà Ninh	Thành viên HĐQT	20/04/2021	25/05/2023

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRONG NHIỆM KỲ

1. Các chính sách quan trọng về hoạt động quản trị và định hướng chiến lược

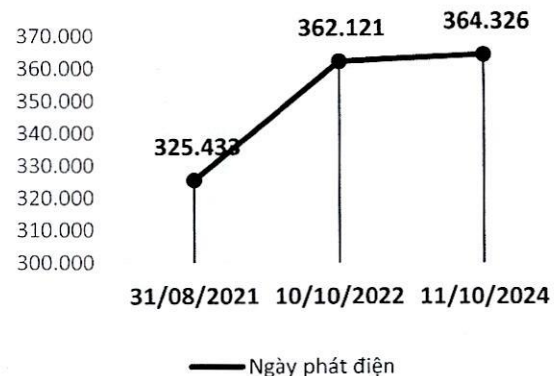
"Vận hành phát điện hiệu quả": T1/2023 ban hành "Quy trình vận hành phát điện hiệu quả" - Là sản phẩm kế thừa quy trình phát điện áp dụng trước năm 2022, được điều chỉnh, cải tiến từ kết quả thử nghiệm thành công phương án vận hành mới. Quy trình có vai trò quan trọng trong việc thống nhất nguyên tắc và trình tự vận hành chạy máy khung giờ cao điểm và các khung giờ khác cho tất cả các ca trực.

Suất tiêu hao 2020-2024 (m³/kWh)



Suất tiêu hao nước 2023, 2024 đạt tốt nhất từ khi nhà máy phát điện, giảm 1,81m³/1kWh so với trung bình các năm 2019-2021

Kỷ lục phát điện ngày (kWh)



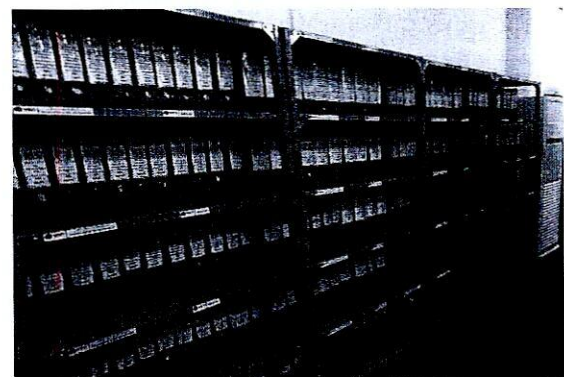
Kỷ lục phát điện ngày được xác lập mới vào 11/10/2024, đạt 364.326 kWh, vượt kỷ lục 31/8/2021 (325.433 kWh) và 14/10/2022 (362.121 kWh)

“Ứng dụng công nghệ trong hoạt động vận hành”: T1/2024 chính thức ứng dụng chương trình kiểm soát dòng chảy **HNT**: Là giải pháp công nghệ với mục tiêu tối ưu hoá kế hoạch vận hành và hệ thống liên hồ bằng phương pháp mô phỏng.

“Cải tiến mô hình quản trị doanh nghiệp theo các tiêu chuẩn quốc tế”: T8/2022 áp dụng hoạt động theo tiêu chuẩn **ISO** tại nhà máy; Năm 2021 bước đầu quản trị theo mô hình thẻ điểm cân bằng **BSC**, đến 2024 chính thức đưa các chỉ tiêu BSC thành các chỉ tiêu giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động; T6/2023-Quản trị hệ thống thông qua **SAP**-Phần mềm hoạch định doanh nghiệp nổi tiếng, được các tập đoàn đa quốc gia trên thế giới lựa chọn làm công cụ quản trị;...



Ngày 22/08/2022, NM Xuân Minh được cấp chứng chỉ ISO 14001 VÀ ISO 9001



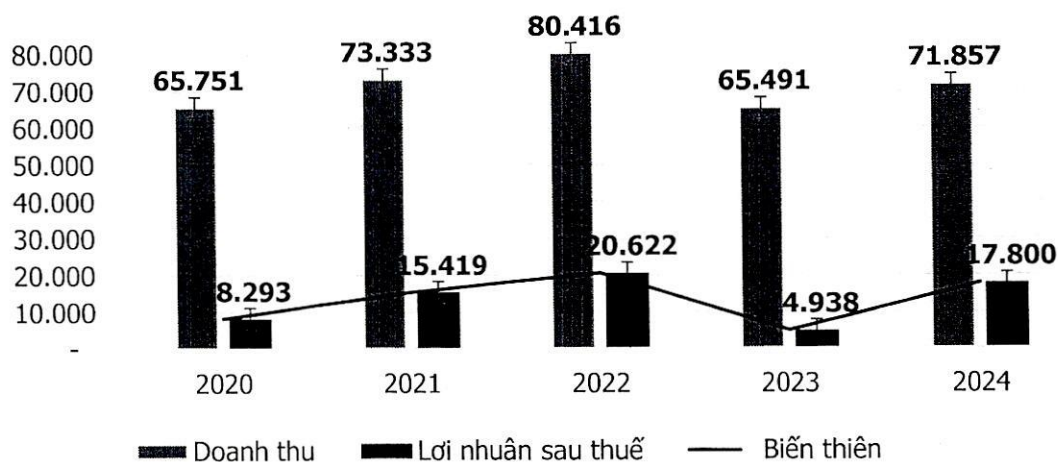
Lưu trữ tài liệu, hồ sơ theo tiêu chuẩn 5S

“Ứng dụng những công cụ quản lý tiên tiến”: Duy trì tính hiệu quả **5S**; Xây dựng ý thức cải tiến (**kaizen**) tại nơi làm việc; Hoàn thành 100% công tác số hoá tài liệu; Quản lý, khai thác dữ liệu trên thư mục dùng chung **onedrive**;...

“Tinh gọn bộ máy và ổn định nhân sự”: Điều chỉnh đi ca: 3 ca 5 kíp, bố trí 01 ca hành chính đảm bảo hiệu suất công việc, tính liên tục báo cáo và sửa chữa nhỏ. Tổng số lao động 24 CBCNV, tỷ lệ lao động gián tiếp và trực tiếp tương ứng 6-18 ổn định từ năm 2021.

2. Các chỉ số sản xuất kinh doanh chính giai đoạn 2020-2025

Doanh thu và LNST 2020-2024



Chịu sự chi phối của chỉ tiêu sản lượng phát điện, doanh thu phát điện giai đoạn 2020-2024 đạt cao nhất tại năm 2022, với kết quả 80,416 tỷ đồng và thấp nhất vào năm 2023 với kết quả 65,49 tỷ đồng. Biến động về doanh thu, chi phí khiến chỉ tiêu lợi nhuận đạt cao nhất 20,62 tỷ đồng vào năm 2022 và thấp nhất là 4,93 tỷ đồng vào năm 2023.

Trong năm 2024, tổng doanh thu đạt **71,86** tỷ đồng, tăng 6,2 tỷ (khoảng 9,5%) so với kế hoạch đặt ra, tương đương mức tăng 9% so với cùng kỳ 2023. Lợi nhuận sau thuế đạt **17,79** tỷ đồng, tăng 9.82 tỷ (khoảng 123%) so với kế hoạch, tăng 12,86 tỷ đồng (261%) so với năm 2023. Kết quả SXKD năm 2024 cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2023	KH 2024	TH 2024	ĐÁNH GIÁ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6/5)%	(8)=(6/4)%
I	Sản lượng	kwh	53.763.315	52.014.563	62.266.698	120%	116%
II	Doanh thu	tr.đ	65.821	65.649	71.857	109%	109%
III	Chi phí	tr.đ	60.058	56.825	53.051	93%	88%
IV	LN trước thuế	tr.đ	5.763	8.824	18.806	213%	326%
V	LN sau thuế	tr.đ	4.937	7.974	17.799	223%	361%

3. Chỉ tiêu cổ tức giai đoạn 2020-2025

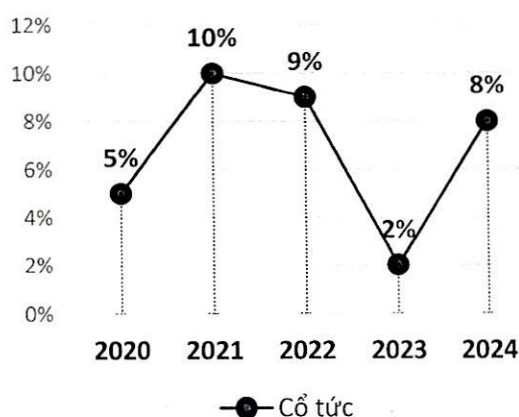
Tỷ lệ chi trả cổ tức giai đoạn 2020-2025 dựa trên kết quả kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty theo từng năm.

Nguyên tắc thực hiện: Đảm bảo cân bằng lợi ích của cổ đông và nhu cầu dự phòng sửa chữa lớn TSCĐ của Công ty; Được ĐHCĐ thông qua theo đúng quy định pháp luật.

Hình thức chi trả: Bằng tiền mặt

Lộ trình chi trả: Năm 2020-01/7/2021; Năm 2021-26/10/2022; Năm 2022-02/12/2024; Năm 2023-25/9/2024.

Cổ tức giai đoạn 2020-2025



4. Công tác quản trị rủi ro

❖ **"Kiểm soát rủi ro lãi suất":** Trước áp lực duy trì ổn định dòng tiền hoạt động, các giải pháp tài chính đã được tích cực triển khai. Có thể kể đến: Giải pháp huy động vốn theo theo lãi suất ngân hàng cộng tỷ lệ biên, điều chỉnh theo từng quý được thông qua tại Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐQT ngày 28/11/2022 đã đảm bảo tính tính hấp dẫn so với mặt bằng lãi suất tại thời điểm, tăng tính linh hoạt khi thị trường tài chính có biến động; Đàm phán thành công việc giảm biên lãi suất tại SHB (biên độ giảm 0,5% với tất cả các khoản vay), giúp lãi suất bình quân khoản trở về mức 8-8.5%/năm trong năm 2024.

❖ **"Kiểm soát rủi ro vận hành thiết bị":** Chủ trương thiết lập dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định qua giải pháp trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế, được thông qua lần đầu tại kỳ ĐHCĐ năm 2023 sẽ đảm bảo tính liên tục công tác vận hành sản xuất và tính ổn định chi phí sản xuất kinh doanh các kỳ.

5. Công tác khác

❖ **Lựa chọn đơn vị kiểm toán:** Tiếp tục lựa chọn đơn vị kiểm toán là Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024, thông qua Quyết định số 06/2024/QĐ-HĐQT ngày 24/6/2024. Báo cáo tài chính được trình ĐHCĐ thông qua tại kỳ đại hội thường niên năm 2025.

❖ **Phân phối lợi nhuận:** Tuân thủ Nghị quyết ĐHCĐ các năm.

❖ **Thù lao HĐQT, BKS:** Tuân thủ Nghị quyết ĐHCĐ các năm.

III. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành được thực hiện thông qua các hình thức: Tổ chức cuộc họp do HĐQT chủ trì, tham gia họp định kỳ do Tổng Giám đốc chủ trì, thông qua báo cáo của Tổng giám đốc bằng văn bản/email. Hoạt động giám sát cho thấy:

- Ban điều hành và tập thể CVCNV đã nỗ lực triển khai hoạt động SXKD, quản lý, vận hành hiệu quả dự án, thường xuyên đưa ra những đề xuất, giải pháp kịp thời, phù hợp tham mưu cho Hội đồng quản trị nhằm tăng doanh thu, tối đa hoá lợi nhuận cho Công ty.
- Ban điều hành tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty và các Nghị quyết của ĐHCĐ, HĐQT. Ban điều hành cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời tới HĐQT, BKS, tạo điều kiện BKS tiếp cận, kiểm tra tình hình tài chính và các hoạt động khác của Công ty;
- Ban điều hành duy trì tốt lịch họp định kỳ, thường xuyên trao đổi, đánh giá rút kinh nghiệm để điều chỉnh các giải pháp quản lý, sản xuất một cách linh hoạt, đạt hiệu quả cao.

IV. ĐỊNH HƯỚNG NHIỆM KỲ 2025-2030

1. Hoạt động sản xuất kinh doanh

❖ Giám sát triển khai thành công kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 theo các chỉ tiêu được ĐHCĐ thường niên thông qua, dự kiến:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2024	KH 2025	+/-	TỶ LỆ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6/4)%
I	Sản lượng	kwh	62.266.698	60.178.673	-2.088.025	-3%
II	Doanh thu	tr.đ	71.857	70.674	-1.183,84	-2%
III	Chi phí	tr.đ	53.051	53.325	273	1%
IV	Lợi nhuận trước thuế	tr.đ	18.806	17.349	-1.457	-8%
V	Lợi nhuận sau thuế	tr.đ	17.799	16.399	-1.400	-9%

2. Nhiệm vụ trọng tâm khác giai đoạn 2025-2030

Chỉ đạo triển khai các nội dung được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Theo dõi chặt chẽ biến động lãi suất và tác động đến các khoản vay, dòng tiền của doanh nghiệp. Từ đó, định hướng tìm kiếm các giải pháp ổn định tài chính, quản lý dòng tiền hiệu quả nhằm duy trì thanh khoản và tối ưu chi phí;

Định hướng chiến lược chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ trong hoạt động vận hành.

Trên đây là báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động của HĐQT năm 2024, nhiệm kỳ 2020-2025 và nhiệm vụ, kế hoạch công tác năm 2025, nhiệm kỳ 2025-2030. HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCTC.

T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trịnh Nguyên Khánh



Số: 02/2025/BC-HDQT

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO

Về kết quả SXKD năm 2024 và kế hoạch năm 2025 Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Kính gửi: Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch, nhiệm vụ năm 2025 như sau:

A. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

I. HOẠT ĐỘNG VẬN HÀNH PHÁT ĐIỆN

Năm 2024 được khởi đầu với tình hình thủy văn kém thuận lợi, đặt ra áp lực phải duy trì cấp nước 40m³/s cho hạ du trong hoàn cảnh nhà máy Cửa Đạt dừng máy vào giờ cao điểm. Tuy nhiên, các giải pháp vận hành linh hoạt và sự nỗ lực tiết kiệm từng lưu lượng nước, cộng với thủy văn khả quan trong 3 tháng cuối năm, đã đem lại kết quả ấn tượng trong hoạt động vận hành phát điện năm 2024.

**Kỷ lục ngày**
364.326 kWh**Tiêu hao nước**
45,76 m³/kWh**Sản lượng**
62.266.698 kWh**Doanh thu**
71,85 tỷ đồng

- Kỷ lục phát điện ngày được xác lập mới vào ngày 11/10/2024, đạt 364.326 kWh. Đây là một cột mốc quan trọng, vượt qua các kỷ lục trước đó vào ngày 31/8/2021 (325.433 kWh) và 14/10/2022 (362.121 kWh); Suất tiêu hao nước đạt 45,76 m³/kWh, là chỉ tiêu quan trọng thể hiện hiệu quả phương thức vận hành chạy máy; Sản lượng đạt 62.266.698 kWh, doanh thu đạt 71.857.388.103 đồng, vượt kế hoạch đặt ra.

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

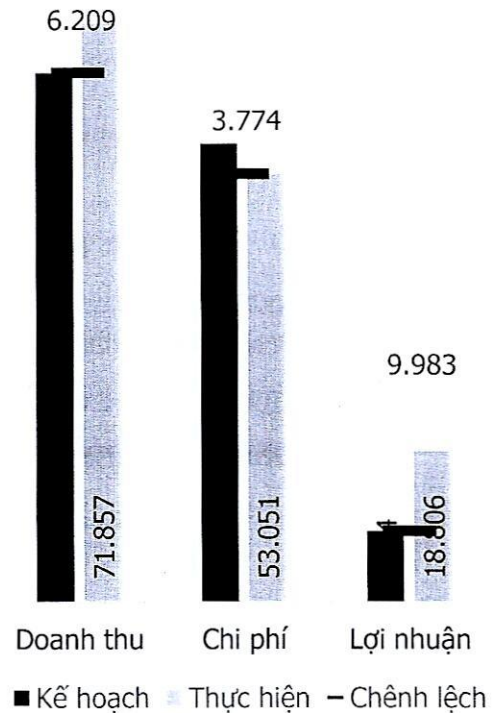
STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2023	KH 2024	TH 2024	ĐÁNH GIÁ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6/5)%	(8)=(6/4)%
I	Sản lượng	kwh	53.763.315	52.014.563	62.266.698	120%	116%
II	Doanh thu	tr.đ	65.821	65.649	71.857	109%	109%
III	Chi phí	tr.đ	60.058	56.825	53.051	93%	88%
1	Chi phí sản xuất	tr.đ	29.441	30.908	29.687	96%	101%
2	Chi phí quản lý,khác	tr.đ	5.337	5.559	6.003	108%	112%
3	Chi phí tài chính	tr.đ	25.280	20.358	17.361	85%	69%
IV	LN trước thuế	tr.đ	5.763	8.824	18.806	213%	326%
V	LN sau thuế	tr.đ	4.937	7.974	17s.799	223%	361%

Sản lượng: Đạt **62.266.698 kWh**, vượt 20% so với kế hoạch (52.014.563 kWh) và tăng 16% so với năm 2023 (53.763.315 kWh). Nguyên nhân: Tình hình thủy văn khả quan trong 3 tháng cuối năm, lưu lượng nước về hồ tăng đột biến giúp cho sản lượng phát điện vượt so với kỳ vọng.

Doanh thu: Đạt **71,85 tỷ đồng**, vượt 9,5% so với kế hoạch (65,64 tỷ đồng) và tăng 9,2% so với năm 2023 (65,82 tỷ đồng). Nguyên nhân: Sản lượng phát điện tăng dẫn tới doanh thu tăng.

Chi phí: Phát sinh **53,051 tỷ đồng**, thấp hơn 6,6% so với kế hoạch (56,825 tỷ đồng) và giảm 11,7% so với năm 2023 (60,05 tỷ đồng). Trong đó, chi phí sản xuất giảm 4% so với kế hoạch, do một số khoản chi phí chưa thực hiện như: Xây nhà kho. Chi phí lãi vay giảm đáng kể (15%) so với kế hoạch, do lãi suất vay ngân hàng SHB giảm từ 10,5% xuống 8,7%, lãi suất vay cá nhân, tổ chức khác giảm 10% xuống 9%.

Lợi nhuận sau thuế: Đạt **17,79 tỷ đồng**, vượt 123,2% so với kế hoạch (7,97 tỷ đồng) và tăng 260,1% so với năm 2023 (4,94 tỷ đồng). Nguyên nhân do sự tăng, giảm của chỉ tiêu doanh thu và chi phí.



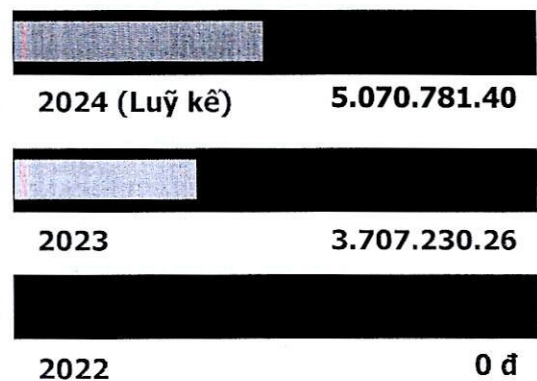
Kết quả SXKD năm 2024

III. HOẠT ĐỘNG BẢO TRÌ, BẢO DƯỠNG THIẾT BỊ

Thực trạng: Hệ thống máy móc thiết bị nhà máy Xuân Minh đã vận hành trên 5 năm. Thiết bị đã đến giai đoạn hao mòn. Tuổi thọ thiết bị giảm dần. Một số model đã lạc hậu, khó tìm kiếm chủng loại thay thế.

Mục tiêu: Với mục tiêu đảm bảo vận hành ổn định, kéo dài tuổi thọ của nhà máy, việc tăng cường giám sát thiết bị là điều kiện tiên quyết giảm thiểu sự cố không mong muốn. Bên cạnh đó, cần thay thế kịp thời các thiết bị không đảm bảo về mặt kỹ thuật, an toàn lao động.

Kết quả: Trong năm 2024, nhà máy không xảy ra sự cố chủ quan; Không có tình trạng phải dừng máy chờ sửa chữa; Tối ưu được sản lượng phát điện của cả Xuân Minh và Bái Thượng; Suất tiêu hao nước đạt 45,76 m³/kWh. Đây là các chỉ tiêu quan trọng đạt được, phản ánh hiệu quả trong công tác bảo trì, bảo dưỡng thiết bị. Tính đến 2024, nhằm mục đích dự phòng mua sắm thiết bị có giá trị lớn, việc quỹ đầu tư phát triển đã đạt lũy kế 5,07 tỷ đồng. Chi tiết tại báo cáo tình trạng MMTB đính kèm.



Số liệu quỹ đầu tư phát triển

IV. HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

1. Vay và dư nợ vay trong 2024

Trong năm 2024, kết quả phát điện khả quan đã đảm bảo duy trì dòng tiền từ sản xuất kinh doanh và trả gốc và lãi vay dài hạn. Trả gốc trong năm đạt 22,64 tỷ đồng. Dư nợ vay tại 31/12/2024 là 204,72 tỷ đồng. Trong đó, dư nợ tại SHB là 164,78 tỷ đồng.

Đơn vị	ĐVT	01/01/2024	31/12/2024	Tăng/giảm so đầu năm
Ngắn hạn	tr.đ	38.233	39.929	1.695
Cá nhân/tổ chức	tr.đ	38.233	39.929	1.695 ▲
Ngân hàng	tr.đ			
Dài hạn đến hạn trả	tr.đ	24.333	24.333	0
Cá nhân/tổ chức	tr.đ	0	0	0 ●
Ngân hàng	tr.đ	24.333	24.333	0 ●
Dài hạn	tr.đ	164.783	140.450	-24.333
Cá nhân/tổ chức	tr.đ	0	0	0
Ngân hàng	tr.đ	164.783	140.450	-24.333 ▼
Cộng	tr.đ	227.350	204.712	-22.638

V. HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ NỘI BỘ



Thẻ điểm cân bằng (Balanced Scorecard-BSC) năm 2024

Tài chính-20/20 điểm: Đạt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đã đặt ra trong năm 2024; Đảm bảo được nguồn tiền hoạt động.

Khách hàng-19/20 điểm: Đạt tiến độ thanh toán; Hải hoà được lợi ích sử dụng nước vào mùa khô; Đảm bảo được chất lượng tiêu thụ, bảo dưỡng. Tuy nhiên, tiêu chí vật tư, thiết bị dự phòng đúng chủng loại, đúng thông số kỹ thuật gặp khó khăn do model đã lỗi thời, chỉ đạt ở tiêu chí tương đương, có thể thay thế được.

Quy trình nội bộ-34/35 điểm: Vận hành hiệu quả; Đảm bảo 100% an toàn máy móc thiết bị; Đảm bảo 100%

Cải tiến Kaizen trong năm 2024

- Cải tiến đường ống dầu bơm rò rỉ, chấm dứt tình trạng thất thoát dầu tại hệ thống điều tốc

an toàn lao động; Ứng dụng hiệu quả chương trình tính toán, phần mềm hỗ trợ ra quyết định vận hành (HNT của KIV, seho của weather plus); Ứng dụng hiệu quả các công cụ quản lý hiện đại như 5S, Kaizen, SAP; Đã và đang từng bước đưa công nghệ AI vào hỗ trợ công việc.

Nguồn nhân lực-18/25 điểm: Đạt 10/15 số lượng nhân sự vận hành có thể đảm nhiệm cả sửa chữa nhỏ, với 6 đầu mục công việc chính như: Bảo trì hệ thống chiếu sáng; Vệ sinh vành góp, chổi than; Bảo dưỡng máy lọc dầu; Bảo dưỡng điều hòa; Bảo trì bơm số 1 tổ H2; Lọc hệ thống dầu nhà máy. Tuy nhiên, trong 2024, chưa phát sinh đào tạo sửa chữa nhỏ hệ thống mới. Ngoài ra, tần suất đánh giá BSC chưa thường xuyên theo mục tiêu 1 tháng/lần.

B. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH VÀ QUẢN TRỊ NĂM 2025

Kế hoạch 2025 được xây dựng trên cơ sở đánh giá thận trọng các yếu tố thị trường, tình hình thủy văn, và khả năng vận hành của nhà máy. Kế hoạch 2025 tập trung vào việc kiểm soát chi phí và tối ưu hóa sản lượng, đồng thời duy trì các hoạt động quản trị nội bộ hiệu quả. Với phương châm "Kiểm soát, phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro", Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh đặt ra kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 như sau:

I. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2024	KH 2025	+/-	TỶ LỆ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(6/4)%
I	Sản lượng	kwh	62.266.698	60.178.673	-2.088.025	-3%
II	Doanh thu	tr.đ	71.857	70.674	-1.183,84	-2%
III	Chi phí	tr.đ	53.051	53.325	273	1%
1	Chi phí sản xuất	tr.đ	29.687	31.956	2.269	7%
2	Chi phí quản lý, khác	tr.đ	6.003	4.370	-1.632,81	-37%
3	Chi phí tài chính	tr.đ	17.361	16.999	-363	-2%
IV	Lợi nhuận trước thuế	tr.đ	18.806	17.349	-1.457	-8%
V	Lợi nhuận sau thuế	tr.đ	17.799	16.399	-1.400	-9%

Sản lượng: 60.178.673 kWh (giảm 3% so với sản lượng thực tế năm 2024).

Doanh thu: 70,67 tỷ đồng (giảm 2% so với doanh thu 2024) do sản lượng phát điện đặt kỳ vọng thấp hơn.

Chi phí: 53,32 tỷ đồng (tăng nhẹ so với năm 2024). Trong đó chi phí sản xuất tăng 7% so với thực hiện năm 2024, do trong 2025 dự kiến phát sinh một số khoản chi: Xây nhà kho, bảo dưỡng đập tràn, giai cố mái nhà máy. Ngoài ra, các hợp đồng duy tu, tiểu tu, thuê đường dây tăng 10%.

Lợi nhuận sau thuế: 16,39 tỷ đồng (thấp hơn so với năm 2024)

II. KẾ HOẠCH DÒNG TIỀN NĂM 2025

	Nội dung	Số tiền (tr.đ)
1	Tiền và tương đương tiền tại 01/01/2025	2.073
2	Dòng tiền từ phát điện 2025	85.296
3	Dòng tiền ra 2025	93.093
	Duy trì SXKD	18.093
	Nộp thuế, phí	17.668
	Trả gốc+lãi vay đến hạn	45.332
	- Gốc + lãi SHB	38.060
	- Gốc + Lãi cá nhân/tổ chức khác	7.272
	Trả cổ tức 2024	12.000
4	Dư nguồn trong 2025 (4=1+2-3)	-5.724
5	Dư nợ cá nhân/tổ chức khác tại 31/12/2024	39.929
6	Dư nợ cá nhân/tổ chức khác dự kiến tại 31/12/2025 (6=5-4)	45.653

Trước kì vọng sản lượng phát điện đạt 60,19tr.kWh, dòng tiền hoạt động năm 2025 dự kiến tương đối khả quan để duy trì ổn định sản xuất kinh doanh. Với kế hoạch trả cổ tức 2024 tỷ lệ 8%, sau khi hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, phí (17,67 tỷ), nghĩa vụ trả gốc lãi định kỳ (45,33 tỷ), nguồn vay cá nhân dự kiến bổ sung trong năm khoảng 5,7 tỷ. Như vậy, mức dư nợ tại 31/12/2025 của các khoản vay cá nhân, tổ chức khác (ngoài khoản vay dài hạn tại SHB) dự kiến khoảng 45,6 tỷ.

III. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH VÀ QUẢN TRỊ NỘI BỘ NĂM 2025



Thẻ điểm cân bằng (Balanced Scorecard-BSC) năm 2025

TÀI CHÍNH-23%:

- Đạt chỉ tiêu SXKD 2025 đã đặt ra
- Giảm thiểu chênh lệch chi phí kế toán và chi phí thuế
- Kiểm soát chi phí tài chính: Lãi suất vay bình quân $\leq 10\%$
- Không bị thiếu hụt nguồn tiền: Duy trì hạn mức vay cá nhân, tổ chức khác ≤ 35 tỷ; Duy trì trích quỹ đầu tư phát triển $\geq 10\%$ LNST
- Giảm thất thoát vật tư, nhiên liệu: Giữ mức tổn thất đầu hệ thống điều tốc và bôi trơn $\leq 10\%$ khối lượng sử dụng

KHÁCH HÀNG-20%:

- EVN: Tiến độ thanh toán ≤ 15 ngày kể từ khi gửi hồ sơ
- A1: Không bị đề nghị dừng máy phát điện
- Sông Chu: Tích nước giờ cao điểm nhưng vẫn đảm bảo duy trì nước tưới tiêu

- Cửa Đạt: Tối ưu sản lượng cao điểm Xuân Minh, Bái Thượng.
- ME: Chất lượng thiết bị sửa chữa, thay thế.
- Khác: Không để quá hạn nộp 50 đầu mục báo cáo định kỳ

QUY TRÌNH-45%:

- Vận hành hiệu quả: CS phát điện giờ cao điểm/CS thiết kế $\geq 14\text{MW}/15\text{MW}$; Tiêu hao nước/kWh $\leq 48\text{m}^3/\text{kWh}$
- An toàn máy móc, thiết bị: Khảo sát, đánh giá chuyên sâu thiết bị bằng máy móc chuyên dụng; Chủ động đề xuất yêu cầu bảo dưỡng với ME; Dự phòng, thay thế các thiết bị nguy cơ dẫn đến sự cố
- An toàn môi trường lao động: Gia cố một số vị trí nguy cơ mất an toàn: Đỉnh đập tràn; Mái nhà Xây nhà kho bảo quản vật tư.
- An toàn vận hành: Tổ chức ca kíp: Không xảy ra tình trạng Bảo hộ lao động không đúng quy định, làm việc riêng, sao lãng trong ca trực, ngủ ca đêm dẫn đến sự cố; Tổ chức nơi làm việc: Không xảy ra tình trạng vi phạm nội quy, quy trình, quy phạm, an toàn điện.

NHÂN LỰC-12%:

- Nhân sự: Tự sửa chữa nhỏ các hệ thống phụ: Bơm nước cứu hỏa; Bơm nước rò rỉ; Bơm tháo cạn; Bơm chống ngập; Khí nén cao - hạ áp.
- Đào tạo nội bộ: Liên phân hệ PM-MM-FI trên SAP và 01 trưởng ca dự phòng.

Trên đây là các nội dung kết quả sản xuất năm 2024 và dự kiến kế hoạch SXKD năm 2025 của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh. Hội đồng quản trị Công ty kính báo cáo Đại Hội đồng cổ đông chỉ đạo chủ trương thực hiện.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCKH.



Trịnh Nguyên Khánh

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN XUÂN MINH**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ

- Chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Thủy điện Xuân Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty")
- Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC
- Kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát Công ty năm 2024

Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2020 - 2025 gồm 03 thành viên:

- Bà Đinh Thị Hạnh - Trưởng Ban
- Ông Trần Xuân Ninh - Thành viên
- Ông Nguyễn Hồ Ngọc - Thành viên

Ban Kiểm soát Công ty CP Thủy điện Xuân Minh báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 kết quả hoạt động năm 2024, phương hướng nhiệm vụ hoạt động năm 2025, cụ thể như sau:

A. HOẠT ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA NĂM 2024

I. Hoạt động của Ban Kiểm soát

1. Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để HĐQT bổ nhiệm đơn vị kiểm toán theo ủy quyền của Đại hội cổ đông thường niên năm 2024
2. BKS tập trung kiểm tra, giám sát hoạt động SXKD và đầu tư của Công ty. Lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác hàng quý, xác định nội dung trọng điểm cho từng hoạt động đầu tư hay vận hành để xây dựng nội dung kiểm soát phù hợp
3. Tham gia đầy đủ các buổi họp của HĐQT Công ty hàng quý, năm đồng thời đã có những góp ý, ý kiến tham gia về những vấn đề cần lưu ý trong hoạt động SXKD và đầu tư của Công ty
4. Kiểm tra, rà soát các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT để triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024, đánh giá những chỉ tiêu đạt được và chưa đạt, có phân tích nguyên nhân cụ thể
5. Kiểm tra, đánh giá thường xuyên công tác quản trị, điều hành việc thực hiện nhiệm vụ SXKD của HĐQT và Ban TGD theo đúng Nghị quyết của HĐQT đã ban hành và Điều lệ của Công ty.
6. Rà soát các quy định, quy chế nội bộ của công ty, đưa ra các khuyến nghị sửa đổi bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế công ty và pháp luật quy định.
7. Ban kiểm soát Công ty đã tổ chức kiểm tra sổ sách kế toán của Công ty; Tình hình quản lý công nợ và khả năng thanh toán; về quản lý khai thác tài sản, về doanh thu và chi phí để phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh và đầu tư, từ đó đề xuất kiến nghị kịp thời với Công ty
8. Kiểm soát BCTC đã được Công ty Kiểm toán soát xét 06 tháng đầu năm và kiểm toán năm 2024, có ý kiến đóng góp đảm bảo báo cáo được lập theo chuẩn mực, phản ánh trung thực tình hình tài chính của Công ty.
9. BKS tham gia các ý kiến đóng góp cho công tác quản trị hoạt động SXKD của Công ty
10. Một số hoạt động khác theo phân công nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

Các thành viên Ban kiểm soát đã nỗ lực phát huy năng lực chuyên môn, kinh nghiệm trong việc giám sát hoạt động tài chính, giám sát việc quản lý và điều hành của HĐQT và Ban TGD để hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao, thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty, góp phần cùng

HDQT và bộ máy điều hành thực hiện tốt những chỉ tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết thông qua.

II. Kết quả kiểm tra hoạt động

1. Đánh giá tổng quan

Bộ máy nhân sự ổn định, linh hoạt nhân sự vận hành có khả năng đảm nhiệm cả việc sửa chữa nhỏ.

2. Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức các phiên họp và ban hành Nghị quyết theo đúng trình tự thủ tục, phù hợp chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của HDQT quy định theo Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty với các nội dung chính như sau:

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
- Chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán năm 2024 theo ủy quyền của ĐHĐCĐ
- Phê duyệt các hoạt động khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư kịp thời, thực hiện theo đúng Điều lệ hoạt động của Công ty và các quy định của pháp luật.

3. Đánh giá hoạt động của Ban TGD

Ban TGD đã tích cực triển khai các nhiệm vụ công việc được giao nêu trong Nghị quyết ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HDQT. Ban TGD Công ty đã tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh vượt mức so với kế hoạch đề ra như sau (Số liệu được lấy theo BCTC đã được kiểm toán năm 2024):

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2023	KH 2024	TH 2024	ĐÁNH GIÁ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6/5)%	(8)=(6/4)%
I	Sản lượng	kwh	53.763.315	52.014.563	63.159.079	121%	117%
II	Doanh thu	tr.đ	65.821	65.649	71.857	109%	109%
III	Chi phí	tr.đ	60.058	56.825	53.051	93%	88%
1	Chi phí sản xuất	tr.đ	29.441	30.908	29.687	96%	101%
2	Chi phí quản lý, khác	tr.đ	5.337	5.559	6.003	108%	112%
3	Chi phí tài chính	tr.đ	25.280	20.358	17.361	85%	69%
IV	LN trước thuế	tr.đ	5.763	8.824	18.806	213%	326%
V	LN sau thuế	tr.đ	4.937	7.974	17.799	223%	361%

Tổng doanh thu, thu nhập khác đạt 71,8 tỷ đồng, tăng 6,2 tỷ đồng (tương đương 9%) so với kế hoạch đầu năm. Nguyên nhân do tình hình thủy văn thuận lợi những tháng cuối năm dẫn đến sản lượng phát điện cao.

Tổng chi phí: 53 tỷ đồng giảm 3,7 tỷ (tương đương 7%) so với kế hoạch đầu năm, ảnh hưởng bởi tỷ trọng tăng, giảm của các chỉ tiêu chi phí. Cụ thể:

- Chi phí sản xuất giảm 1,2 tỷ (tương đương 4%) so với kế hoạch đầu năm, nguyên nhân từ việc chi phí chưa thực hiện như chi phí xây nhà kho.
- Chi phí tài chính giảm 3,9 tỷ (tương đương 15%) so với kế hoạch đầu năm nguyên nhân do lãi suất khoản vay giảm cụ thể lãi suất ngân hàng giảm từ 10,5% xuống 8,7%, lãi vay cá nhân giảm từ 10% xuống 9%.

Tình hình tài chính của Công ty được đánh giá qua một số chỉ tiêu cơ bản sau:

Chi tiêu	ĐVT	2023	2024	+/-	% tăng/giảm
Tài sản ngắn hạn	tr.đ	12.960	11.927	-1.033	-7,97%
Tài sản dài hạn	tr.đ	391.258	372.166	-19.092	-4,88%
Tổng tài sản	tr.đ	404.219	384.093	-20.126	-4,98%
Nợ ngắn hạn	tr.đ	67.291	70.772	3.481	5,17%
Nợ dài hạn	tr.đ	164.783	140.450	-24.333	-14,77%
Tổng nợ phải trả	tr.đ	232.074	211.222	-23.334	-10,05%
Vốn góp CSH	tr.đ	150.000	150.000	0	0,00%
LN chưa phân phối	tr.đ	18.437	22.870	4.433	24,04%
Tổng vốn CSH	tr.đ	168.437	172.870	-29	0,00%

Tổng tài sản giảm 20 tỷ tương đương với 4,9% trong đó nguyên nhân từ việc giảm tài sản dài hạn 19 tỷ. Tỷ trọng giảm tài sản dài hạn chủ yếu nằm ở giảm giá trị tài sản cố định do khấu hao TSCĐ.

Tổng nợ phải trả giảm mạnh 23,3 tỷ tương đương với 10% so với đầu năm trong đó nguyên nhân giảm từ việc giảm nợ dài hạn do Công ty đã thanh toán một phần gốc vay dài hạn của ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội.

Chi tiêu	ĐVT	2023	2024
Chỉ tiêu về cân bằng tài chính			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	lần	0,19	0,17
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Nợ phải trả/Tổng tài sản	lần	0,57	0,55
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	lần	1,38	1,22
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,22	4,6
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	2,93	10,3

Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn là 0,17 cho thấy đơn vị có thể gặp khó khăn trong việc thanh toán các khoản nợ ngắn hạn.

Chi tiêu	ĐVT	2.023	2024
Lợi nhuận Kế toán trước thuế	tr.đ	5.763	18.806
Chi phí lãi vay	tr.đ	25.280	17.361
Tiền lãi vay đã trả	tr.đ	(24.130)	(15.505)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	tr.đ	24.511	40.100
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	tr.đ	(35)	48
Tiền thu từ đi vay	tr.đ	37.465	6.949
Tiền trả nợ gốc vay	tr.đ	(59.729)	(31.495)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	tr.đ	732	15.901
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	tr.đ	(22.997)	(40.447)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	tr.đ	1.479	(297)

Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh thu về số tiền 40,1 tỷ, so với năm 2023 dòng tiền thu từ kinh doanh tăng 63%; tiền thuần từ hoạt động tài chính chi ra số tiền 40,4 tỷ, trong đó chi trả cổ tức 15,9 tỷ, trả nợ gốc vay 31,4 tỷ. Dòng tiền trong năm chủ yếu được chi trả nợ gốc vay và cổ tức.

4. Kết quả thẩm định BCTC năm 2024

Báo cáo tài chính năm 2024 được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty, đúng chuẩn mực Kế toán Việt Nam và quy định về pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban kiểm soát thống nhất với số liệu trình bày tại báo cáo tài chính năm 2024 mà Hội đồng quản trị đề trình lên Đại hội đồng cổ đông.

5. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát, HĐQT, Ban TGD

Ban kiểm soát, HĐQT và Ban TGD Công ty đã duy trì được mối quan hệ cộng tác, hợp tác phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, của cổ đông và tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các Quy chế nội bộ. Trong năm 2024, HĐQT cùng Ban TGD và các cán bộ quản lý tại các phòng ban chức năng Công ty đã tạo điều kiện về cơ sở vật chất cũng như cung cấp đầy đủ thông tin tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát. Công ty đã thực hiện công tác công bố thông tin theo đúng quy định.

III. Kết luận và Kiến nghị

1. Kết luận

Năm 2024 với sự nỗ lực của HĐQT và Ban TGD kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty vượt kế hoạch đề ra. Ban kiểm soát đánh giá cao những cố gắng của HĐQT và Ban TGD trong việc tổ chức triển khai hoạt động kinh doanh, đầu tư cũng như ứng phó kịp thời những biến động của thị trường và điều kiện tự nhiên.

2. Kiến nghị

- HĐQT, Ban TGD tiếp tục bám sát tình hình thủy văn, thực hiện kế hoạch vận hành phát điện hợp lý, linh hoạt để đạt mục tiêu đề ra.
- Thực hiện các giải pháp để tối ưu chi phí như chi phí lãi vay, chi phí quản lý.
- Xây dựng kế hoạch dòng tiền phù hợp, đảm bảo ổn định tài chính.
- Tăng cường giám sát thiết bị, chuẩn bị nguồn mua sắm thiết bị dự phòng thay thế đảm bảo máy móc vận hành liên tục, ổn định, giảm thiểu sự cố.
- Trong năm 2024, Công ty có các giao dịch với các bên có mối quan hệ liên kết theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết như VCP, Thủy điện Nậm La, Thủy điện Bái Thượng... BKS cảnh báo và khuyến nghị Ban TGD về việc khống chế chi phí lãi vay khi tính thuế TNDN trong kỳ và các báo cáo liên quan đến nghĩa vụ kê khai giao dịch liên kết. Theo dõi chi tiết chi phí lãi vay không được trừ làm căn cứ ghi nhận trong các năm tiếp theo quy định (trong 05 năm).

B. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2025

I. Nhiệm vụ chung

- Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.
- Trong năm 2025, Ban kiểm soát sẽ duy trì công tác kiểm soát định kỳ theo điều lệ của công ty và quy chế hoạt động, lấy gần gũi làm mục tiêu chính, đảm bảo hoạt động của Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật và Luật doanh nghiệp, góp phần làm cho đơn vị ngày càng phát triển và đạt hiệu quả SXKD cao, đảm bảo lợi ích của các cổ đông, quyền lợi của người lao động.

II. Nhiệm vụ cụ thể năm 2025

- Phân công cụ thể và hợp lý công việc của các thành viên trong Ban kiểm soát, phụ trách kiểm soát hoạt động quản trị, điều hành, đầu tư và sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Giám sát việc chấp hành điều lệ của Công ty. Kiểm soát việc thực hiện các quy chế nội bộ, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Đại hội đồng cổ đông công ty.

- Kiểm tra giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2025 được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.
- Soát xét Báo cáo tài chính định kỳ theo quý.
- Đảm bảo đại diện Ban Kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT để nắm bắt tình hình quản trị và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời đưa ra các cảnh báo kịp thời đảm bảo lợi ích của cổ đông.
- Giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.
- Phân tích đánh giá tình hình tài chính, tình hình quản lý, sử dụng vốn, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ của Công ty, từ đó kịp thời đưa ra các đề xuất, cảnh báo hỗ trợ hoạt động quản trị của Hội đồng quản trị và Ban TGD.

Trên đây là Báo cáo về tình hình hoạt động của Ban kiểm soát Công ty CP Thủy điện Xuân Minh năm 2024; phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên,
- HĐQT,
- Lưu VP Cty + BKS

**T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Đinh Thị Hạnh

Số: 01/2025/TT-HĐQT

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 và dự kiến năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh*Căn cứ:*

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC phát hành ngày 24/02/2025.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và dự kiến năm 2025 như sau:

I. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024

- | | | |
|--|---|----------------------------|
| 1. Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | : | 17.799.970.782 đồng |
| 2. Dự kiến phân phối: | | |
| 2.1. Chia cổ tức 8% | : | 12.000.000.000 đồng |
| 2.2. Trích lập quỹ đầu tư phát triển | : | 4.175.970.782 đồng |
| 2.3. Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi | : | 1.000.000.000 đồng |
| 2.4. Chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2024 | : | 324.000.000 đồng |
| 2.5. Thưởng HĐQT, BKS, Ban điều hành, CB quản lý | : | 300.000.000 đồng |

II. Phương án chi trả cổ tức năm 2024

- | | | |
|----------------------------|---|---------------------|
| 1. Tổng số tiền trả cổ tức | : | 12.000.000.000 đồng |
| 2. Hình thức trả | : | Bằng tiền |
| 3. Thời gian chi trả | : | Từ 01/9/2025 |

III. Dự kiến phương án phân phối lợi nhuận năm 2025

- Cổ tức: Tỷ lệ cụ thể được chi trả trên cơ sở thực tế kết quả SXKD năm 2025.
- Trích các quỹ: Tỷ lệ cụ thể được trích lập trên cơ sở thực tế kết quả SXKD năm 2025.
- Chi trả thù lao HĐQT, BKS theo phương án được phê duyệt.
- Thưởng HĐQT, BKS, Ban điều hành và cán bộ quản lý tối đa 10% phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2025.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCTC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CHỦ TỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN XUÂN MINH
H. THƯỜNG XUÂN, T. THANH HOÁ
Trịnh Nguyễn Khánh

Số: 01/2025/TT-BKS

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Đề nghị thông qua việc ủy quyền lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC năm 2025 của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp hiện hành;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Kết quả thẩm tra công tác lập và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty.

Để phục vụ cho công tác kiểm tra, kiểm soát tình hình tài chính của Công ty trong năm 2025, đảm bảo tuân thủ theo đúng các quy định và chuẩn mực hiện hành của Nhà nước, đồng thời đảm bảo quyền và lợi ích cho các cổ đông, Ban Kiểm soát đề nghị Công ty thuê một đơn vị kiểm toán có đủ điều kiện, uy tín để thực hiện Báo cáo tài chính năm 2025.

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn bổ nhiệm Công ty kiểm toán có đủ uy tín, năng lực, điều kiện và giá cả phù hợp có thể đáp ứng được yêu cầu thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 cho Công ty cổ phần Thủy điện Xuân Minh.

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Nơi nhận :

- Như kính gửi ;
- HĐQT;
- Lưu.



Đinh Thị Hạnh

Số: 02/2025/TT-HĐQT

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Đề xuất thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Căn cứ:

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tài chính 2025 của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh đề xuất phương án chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025 như sau:

STT	Chức danh	Số người	Phụ cấp định kỳ		
			Mức phụ cấp/ người/tháng	Số tháng	Thành tiền
1	HĐQT	5			252.000.000
	Chủ tịch HĐQT	1	5.000.000	12	60.000.000
	Thành viên HĐQT	4	4.000.000	12	192.000.000
2	Ban kiểm soát	3			84.000.000
	Trưởng BKS	1	3.000.000	12	36.000.000
	Thành viên BKS	2	2.000.000	12	48.000.000
	Cộng				336.000.000

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCTC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 
CHỦ TỊCH

Trịnh Nguyên Khánh

Số: 03/2025/TT-HĐQT

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về phương án nhân sự Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát
Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh nhiệm kỳ 2025-2030

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh.

Tuân thủ quy định của Luật doanh nghiệp và điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025 đã kết thúc. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án nhân sự Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030 như sau:

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị: 05 thành viên**, phù hợp với quy định tại khoản 1, điều 26, Điều lệ Công ty ban hành ngày 20/4/2021.
- Số lượng thành viên Ban kiểm soát: 03 thành viên**, phù hợp với quy định tại khoản 1, điều 37, Điều lệ Công ty ban hành ngày 20/4/2021.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCTC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 
CHỦ TỊCH



Trịnh Nguyên Khánh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN XUÂN MINH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024
(đã được kiểm toán)

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, Khu nhà Quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính,
thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 28
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính	09 - 28



Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, Khu nhà Quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

CÔNG TY

Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2802200078 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 03/10/2014, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 20/03/2020.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 2, Khu nhà Quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Trịnh Nguyên Khánh	Chủ tịch	
Bà	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên	
Ông	Phạm Văn Minh	Thành viên	
Bà	Phùng Thị Thu Huyền	Thành viên	
Ông	Nguyễn Thanh Phương	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 26 tháng 03 năm 2024)
Ông	Lê Văn Thủy	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 26 tháng 03 năm 2024)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Phạm Quang Minh	Tổng Giám đốc
Ông	Phạm Tiến Luật	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà	Đinh Thị Hạnh	Trưởng ban
Ông	Nguyễn Hồ Ngọc	Thành viên
Ông	Trần Xuân Ninh	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là ông Phạm Quang Minh – Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, Khu nhà Quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính,
thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phạm Quang Minh

Tổng Giám đốc

Thanh Hoá, ngày 24 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh được lập ngày 24 tháng 02 năm 2025, từ trang 5 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Đỗ Mạnh Cường

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0744-2023-002-1

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2025

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam

Hoàng Đức Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 4876-2024-002-1

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, Khu nhà Quản lý điều hành các công trình thủy
điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện
Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		11.927.286.540	12.960.630.658
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		1.774.919.107	2.072.886.096
111	1. Tiền	3	1.774.919.107	2.072.886.096
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		8.061.825.567	8.087.608.449
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	7.680.599.967	7.728.608.449
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		54.000.000	-
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	5	327.225.600	359.000.000
140	III. Hàng tồn kho		2.090.541.866	1.924.136.113
141	1. Hàng tồn kho	6	2.090.541.866	1.924.136.113
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		-	876.000.000
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	-	876.000.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		372.165.780.033	391.258.779.351
220	I. Tài sản cố định		365.898.351.508	385.213.644.672
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	346.724.237.935	365.574.704.103
222	- Nguyên giá		463.972.820.519	463.972.820.519
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(117.248.582.584)	(98.398.116.416)
227	2. Tài sản cố định vô hình	8	19.174.113.573	19.638.940.569
228	- Nguyên giá		21.818.442.843	21.818.442.843
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.644.329.270)	(2.179.502.274)
260	II. Tài sản dài hạn khác		6.267.428.525	6.045.134.679
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	6.267.428.525	6.045.134.679
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		384.093.066.573	404.219.410.009

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, Khu nhà Quản lý điều hành các công trình thủy
điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện
Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		211.222.314.391	232.074.628.609
310	I. Nợ ngắn hạn		70.771.932.008	67.291.263.434
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	188.343.810	357.750.000
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	2.844.727.796	2.299.378.522
314	3. Phải trả người lao động		681.676.030	-
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	1.625.334.045	1.495.705.509
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	14	1.169.130.800	572.052.400
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	10	64.261.494.527	62.566.377.003
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.225.000	-
330	II. Nợ dài hạn		140.450.382.383	164.783.365.175
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	10	140.450.382.383	164.783.365.175
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		172.870.752.182	172.144.781.400
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	172.870.752.182	172.144.781.400
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		150.000.000.000	150.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		150.000.000.000	150.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		5.070.781.400	3.707.230.266
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		17.799.970.782	18.437.551.134
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		-	13.500.000.000
421b	LNST chưa phân phối năm nay		17.799.970.782	4.937.551.134
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		384.093.066.573	404.219.410.009

Ngát

Đỗ Thị Hồng Ngát
Người lập biểu

Lâm

Đinh Thùy Lâm
Kế toán trưởng



Phạm Quang Minh
Tổng Giám đốc

Thanh Hoá, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, Khu nhà Quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**Năm 2024**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	71.497.768.393	65.320.188.125
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		71.497.768.393	65.320.188.125
11	4. Giá vốn hàng bán	18	29.686.956.170	29.441.347.194
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		41.810.812.223	35.878.840.931
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	48.990.435	3.871.304
22	7. Chi phí tài chính	20	17.361.261.264	25.280.064.535
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		17.361.261.264	25.280.064.535
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	5.466.624.772	5.006.148.893
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		19.031.916.622	5.596.498.807
31	11. Thu nhập khác	22	310.629.275	497.273.154
32	12. Chi phí khác		536.485.514	330.461.911
40	13. Lợi nhuận khác		(225.856.239)	166.811.243
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		18.806.060.383	5.763.310.050
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23	1.006.089.601	825.758.916
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		17.799.970.782	4.937.551.134
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	1.165	308

Đỗ Thị Hồng Ngát
Người lập biểu

Đinh Thùy Lâm
Kế toán trưởng



Phạm Quang Minh
Tổng Giám đốc

Thanh Hóa, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, Khu nhà Quản lý điều hành các công trình thủy
điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện
Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Năm 2024***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		18.806.060.383	5.763.310.050
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		19.315.293.164	19.378.107.416
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư		(48.990.435)	(3.871.304)
06	- Chi phí lãi vay		17.361.261.264	25.280.064.535
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		55.433.624.376	50.417.610.697
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu		25.782.882	2.285.783.583
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho		(166.405.753)	(454.495.828)
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		1.058.010.189	(917.242.860)
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước		653.706.154	(48.132.950)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(15.505.773.571)	(24.130.297.968)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(825.758.916)	(1.349.179.398)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(572.775.000)	(1.292.465.499)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		40.100.410.361	24.511.579.777
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	(39.843.636)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		48.990.435	3.871.304
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		48.990.435	(35.972.332)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		6.949.889.157	37.465.133.981
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(31.495.319.542)	(59.729.949.457)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(15.901.937.400)	(732.375.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(40.447.367.785)	(22.997.190.476)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(297.966.989)	1.478.416.969
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.072.886.096	594.469.127
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	1.774.919.107	2.072.886.096


Đỗ Thị Hồng Ngát
Người lập biểu


Đinh Thùy Lâm
Kế toán trưởng


Phạm Quang Minh
Tổng Giám đốc
Thanh Hoá, ngày 24 tháng 02 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2802200078 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 03/10/2014, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 20/03/2020.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 2, Khu nhà Quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 VND, tương đương 15.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 23 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 23 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; sản xuất, truyền tải và phân phối điện,...

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Đầu tư xây dựng công trình thủy điện;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện năng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Tại ngày 31/12/2024, tài sản ngắn hạn của Công ty đang thấp hơn nợ ngắn hạn với số tiền là 58.844.645.468 VND, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 27.832.982.792 VND (tương ứng tại ngày 01/01/2024 số nợ ngắn hạn vượt tài sản ngắn hạn của Công ty là 54.330.632.776 VND, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 61.002.208.730 VND) cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Khả năng thanh toán của Công ty trong 12 tháng tới phụ thuộc vào tình hình hoạt động kinh doanh thời gian tới cũng như khả năng huy động vốn từ các tổ chức tín dụng.

Tuy nhiên, qua đánh giá về kết quả hoạt động kinh doanh thực tế cũng như các phân tích dòng tiền hoạt động của Công ty trong thời gian tới, cụ thể là kế hoạch gia hạn các khoản vay cá nhân, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty sẽ thu được lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh mua bán điện, đủ khả năng thanh toán các khoản nợ nêu trên khi đến hạn phải trả và có thể tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường. Do đó, Báo cáo tài chính này được lập dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Trong năm 2024, do tình hình thủy văn thuận lợi, lưu lượng nước về hồ thủy điện tăng dẫn đến doanh thu bán điện năm 2024 tăng nhẹ so với năm 2023, cùng với đó giá vốn bán điện năm 2024 biến động không đáng kể so với năm 2023 do chủ yếu là các chi phí cố định. Đồng thời, chi phí lãi vay năm 2024 giảm mạnh so với năm 2023 do gốc vay và lãi suất vay giảm dẫn đến lợi nhuận trước thuế của Công ty năm 2024 tăng mạnh.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	08 năm
- Thiết bị văn phòng	03 năm
- Quyền sử dụng đất	47 năm

2.9 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí dịch vụ triển khai phần mềm được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 12 tháng.
- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Chi phí gia cố thượng lưu và đập gia tải đập phụ đang được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 60 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng trong 36 tháng.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.12 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí thuê đường dây 110kV được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.16 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.18 . Chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính của Công ty là chi phí lãi vay.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**a. Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b. Chính sách Ưu đãi thuế

Công ty đang được hưởng chính sách ưu đãi thuế như sau:

Văn bản	Tóm tắt các ưu đãi thuế	Thời hạn hiệu lực
Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 06 năm 2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ.	Công ty nộp thuế TNDN cho thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động (từ năm 2018 đến năm 2032). Công ty được miễn thuế 4 năm (từ năm 2019 đến năm 2022) kể từ khi có thu nhập chịu thuế từ hoạt động thủy điện và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2023 đến năm 2031).	Năm 2024 là năm tài chính thứ 06 của Công ty kể từ khi phát sinh thu nhập chịu thuế. Do đó, Công ty đang được hưởng ưu đãi thuế giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp và áp dụng thuế suất ưu đãi 10%.

c. Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024. Công ty được áp dụng các mức thuế suất thuế TNDN như sau:

- Thuế suất 10% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh được hưởng ưu đãi địa bàn đầu tư;
- Thuế suất 20% đối với các hoạt động còn lại.

2.20 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, Khu nhà Quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

2.22 . Thông tin bộ phận

Do Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực sản xuất điện năng tại Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	340.349.628	133.425.893
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.434.569.479	1.939.460.203
	1.774.919.107	2.072.886.096

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Bên liên quan	22.680.000	55.080.000
- Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng	-	9.720.000
- Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La	22.680.000	45.360.000
Bên khác	7.657.919.967	7.673.528.449
- Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	7.638.085.969	7.649.348.348
- Công ty Điện lực Thanh Hóa - Điện lực Thường Xuân	19.833.998	24.180.101
	7.680.599.967	7.728.608.449

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tạm ứng	-	35.000.000
- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	324.000.000	324.000.000
Bên liên quan		
+ Ông Trịnh Nguyên Khánh	60.000.000	60.000.000
+ Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	48.000.000	48.000.000
+ Bà Phùng Thị Thu Huyền	48.000.000	28.000.000
+ Ông Phạm Văn Minh	48.000.000	48.000.000
+ Ông Lê Văn Thủy	-	36.000.000
+ Bà Nguyễn Thị Hà Ninh	-	20.000.000
+ Ông Nguyễn Thanh Phương	36.000.000	-
+ Bà Đinh Thị Hạnh	36.000.000	36.000.000
+ Ông Nguyễn Hồ Ngọc	24.000.000	24.000.000
+ Ông Trần Xuân Ninh	24.000.000	24.000.000
- Bảo hiểm xã hội chi hộ	3.225.600	-
	327.225.600	359.000.000

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, Khu nhà Quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	2.042.409.265	1.881.203.113
- Công cụ, dụng cụ	48.132.601	42.933.000
	2.090.541.866	1.924.136.113

7 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Xem chi tiết Phụ lục 01.

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tại thời điểm 31/12/2024, tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất có nguyên giá 21.818.442.843 VND. Giá trị còn lại và hao mòn lũy kế lần lượt là 19.174.113.573 VND và 2.644.329.270 VND, trong đó khấu hao năm 2024 là 464.826.996 VND.

Quyền sử dụng đất bao gồm:

- Nguyên giá 20.102.996.170 VND là chi phí đền bù giải phóng mặt bằng còn lại tại xã Xuân Cẩm, Xuân Cao, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa sau khi bù trừ tiền thuê đất (Thuyết minh 9) theo Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014.
- Nguyên giá 1.715.446.673 VND là chi phí đền bù giải phóng mặt bằng dự án di dời các hộ sạt lở tại Vụng Láu, thôn Tiến Sơn 1, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa theo Quyết định số 3293/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện Thường Xuân về việc phê duyệt dự toán bồi thường giải phóng mặt bằng dự án di dời các hộ sạt lở tại Vụng Láu, thôn Tiến Sơn 1, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm khoản vay: 19.174.113.573 VND.

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Chi phí dịch vụ triển khai phần mềm SAP S/4HANA	-	876.000.000
	-	876.000.000
Dài hạn		
- Chi phí thuê đất (*)	4.502.534.326	4.613.252.384
- Chi phí gia cố thượng lưu và đắp gia tải đập phụ	727.364.267	1.240.797.867
- Chương trình vận hành hồ chứa	253.333.333	-
- Chi phí sửa chữa lớn	284.610.833	-
- Chi phí trả trước dài hạn khác chờ phân bổ	499.585.766	191.084.428
	6.267.428.525	6.045.134.679

(*) Mảnh đất Công ty thuê tại huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa để sử dụng với mục đích phục vụ cho công trình Thủy điện Xuân Minh với thời hạn thuê đến tháng 8 năm 2065. Diện tích khu đất thuê là 179.296,3 m². Số dư cuối năm là số chi phí giải phóng mặt bằng được cơ quan thuế chấp nhận bù trừ với tiền thuê đất hàng năm theo Công văn số 2825/CT-TTHT ngày 21/06/2019 của Cục thuế tỉnh Thanh Hóa, và sau khi đã được phân bổ 101 tháng. Tổng thời gian phân bổ là 589 tháng, thời gian phân bổ còn lại là 488 tháng.

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, Khu nhà Quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

10 . VAY

Xem chi tiết Phụ lục 02.

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Bên liên quan	148.837.500	141.750.000
- Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	148.837.500	141.750.000
Bên khác	39.506.310	216.000.000
- Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT	-	216.000.000
- Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Toàn Thắng	39.506.310	-
	188.343.810	357.750.000

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2024	Trong năm		31/12/2024
	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số phải nộp
	VND	VND	VND	VND
- Thuế Giá trị gia tăng	550.523.904	5.976.490.493	5.963.460.033	563.554.364
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	825.758.916	1.006.089.601	825.758.916	1.006.089.601
- Thuế Thu nhập cá nhân	6.317.021	590.762.305	403.127.700	193.951.626
- Thuế Tài nguyên	392.045.993	6.324.226.413	6.323.408.253	392.864.153
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	524.732.688	3.037.749.128	2.874.213.764	688.268.052
	2.299.378.522	16.938.317.940	16.392.968.666	2.844.727.796

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Chi phí lãi vay phải trả	860.591.765	912.669.189
- Chi phí thuê đường dây 110kV	764.742.280	583.036.320
	1.625.334.045	1.495.705.509

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, Khu nhà Quản lý điều hành các công trình thủy
điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện
Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN (tiếp theo)

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Trong đó: Bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP	764.742.280	583.036.320
- Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	21.213.699	105.580.821
- Ông Phạm Tiến Luật	14.065.086	15.451.513
- Ông Nguyễn Viết Hoàng	-	8.284.932
- Ông Trịnh Nguyên Khánh	3.832.470	4.139.998
- Ông Nguyễn Thanh Phương	48.523.288	
	852.376.823	716.493.584

14 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	92.198.200	93.182.400
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.076.932.600	478.870.000
	1.169.130.800	572.052.400

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	150.000.000.000	-	18.466.063.601	168.466.063.601
Lãi trong năm trước	-	-	4.937.551.134	4.937.551.134
Phân phối lợi nhuận	-	3.707.230.266	(4.966.063.601)	(1.258.833.335)
Số dư cuối năm trước	150.000.000.000	3.707.230.266	18.437.551.134	172.144.781.400
Lãi trong năm nay	-	-	17.799.970.782	17.799.970.782
Phân phối lợi nhuận (i)	-	1.363.551.134	(18.437.551.134)	(17.074.000.000)
Số dư cuối năm	150.000.000.000	5.070.781.400	17.799.970.782	172.870.752.182

(i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/NQ/XM-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 03 năm 2024 và Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 04/2024/NQ-HĐQT ngày 31 tháng 10 năm 2024, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2022 và năm 2023 như sau:

	Tỷ lệ VND	Số tiền VND
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	7,40%	1.363.551.134
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1,36%	250.000.000
Chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2023	1,76%	324.000.000
Chi trả cổ tức bằng tiền	89,49%	16.500.000.000
(Năm 2022 tương ứng mỗi cổ phần nhận được 900 VND Năm 2023 tương ứng mỗi cổ phần nhận được 200 VND)		
		18.437.551.134

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, Khu nhà Quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2024	Tỷ lệ	01/01/2024	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP	76.500.000.000	51,00	76.500.000.000	51,00
- Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp	25.900.000.000	17,27	7.500.000.000	5,00
- Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	-	-	18.400.000.000	12,27
- Các cổ đông khác	47.600.000.000	31,73	47.600.000.000	31,73
	150.000.000.000	100,00	150.000.000.000	100,00

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	478.870.000	1.211.245.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	16.500.000.000	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	16.500.000.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(15.901.937.400)	(732.375.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(15.901.937.400)	(732.375.000)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	1.076.932.600	478.870.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

16 . CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a. Tài sản cho thuê ngoài**

Công ty phát sinh hai hợp đồng cho thuê xe ô tô với tổng thu nhập hàng quý là 30.000.000 VND.

b. Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê 179.296,3 m² đất đến ngày 04/08/2065 theo Hợp đồng số 234/HĐTD ngày 17/08/2016 với UBND tỉnh Thanh Hóa để thực hiện công trình chính và phụ trợ Thủy điện Xuân Minh. Trong đó:

- Thuê 124.042,2 m² đất tại xã Xuân Cẩm, huyện Thường Xuân với đơn giá 418 VND/m²/năm;

- Thuê 55.254,1 m² đất tại xã Xuân Cao, huyện Thường Xuân với đơn giá 512 VND/m²/năm.

Toàn bộ tiền thuê đất hàng năm được bù trừ với chi phí giải phóng mặt bằng theo Công văn số 2825/CT-TTHT ngày 21/06/2019 của Cục thuế tỉnh Thanh Hóa (Thuyết minh 9).

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, Khu nhà Quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu thủy điện	71.374.242.187	65.191.742.739
Doanh thu điện mặt trời áp mái	123.526.206	128.445.386
	71.497.768.393	65.320.188.125

18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn thủy điện	29.504.751.170	29.259.142.194
Giá vốn điện mặt trời áp mái	182.205.000	182.205.000
	29.686.956.170	29.441.347.194

Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 29)

3.507.556.196

3.073.283.340

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi	48.990.435	3.871.304
	48.990.435	3.871.304

20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	17.361.261.264	25.280.064.535
	17.361.261.264	25.280.064.535

Trong đó: Chi phí tài chính từ các bên liên quan

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 29)

502.025.948

1.250.259.028

21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	44.278.133
Chi phí nhân công	3.291.887.698	3.086.004.312
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	2.172.727	3.758.500
Chi phí khấu hao tài sản cố định	74.988.691	59.990.953
Thuế, phí, và lệ phí	3.000.000	3.238.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	453.681.421	875.623.109
Chi phí khác bằng tiền	1.640.894.235	933.255.886
	5.466.624.772	5.006.148.893

Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 29)

324.000.000

300.000.000

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, Khu nhà Quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

22 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập từ bán Chứng chỉ năng lượng tái tạo quốc tế (I-RECs)	190.629.275	200.921.207
Thu nhập từ hoàn trả chi phí quản lý dự án CDP ProA REDP	-	173.795.415
Thu nhập từ cho thuê xe	120.000.000	120.000.000
Thu nhập khác	-	2.556.532
	310.629.275	497.273.154
Trong đó: Thu nhập khác từ bên liên quan	120.000.000	120.000.000

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 29)

23 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	18.806.060.383	5.763.310.050
Các khoản điều chỉnh tăng	1.310.057.013	10.401.099.474
- Chi phí không hợp lệ	695.630.369	200.146.079
- Chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP	614.426.644	10.200.953.395
Thu nhập chịu thuế TNDN	20.116.117.396	16.164.409.524
- Thu nhập được hưởng ưu đãi	20.121.792.033	16.047.486.591
- Thu nhập không được hưởng ưu đãi	(5.674.637)	116.922.933
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.012.179.203	1.628.133.246
- Chi phí thuế TNDN hiện hành được hưởng ưu đãi	2.012.179.203	1.604.748.659
- Chi phí thuế TNDN hoạt động không hưởng ưu đãi	-	23.384.587
Số thuế TNDN được giảm theo Nghị định 218/2013/NĐ-CP	(1.006.089.602)	(802.374.330)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.006.089.601	825.758.916
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	825.758.916	1.349.179.398
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(825.758.916)	(1.349.179.398)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	1.006.089.601	825.758.916

24 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	17.799.970.782	4.937.551.134
Các khoản điều chỉnh:	(324.000.000)	(324.000.000)
- Thù lao HĐQT, BKS	(324.000.000)	(324.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	17.475.970.782	4.613.551.134
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.165	308

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, Khu nhà Quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

25 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	239.666.031	230.365.610
Chi phí nhân công	7.507.347.638	7.382.758.599
Chi phí khấu hao TSCĐ	19.270.299.949	19.378.107.416
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.054.581.674	6.377.172.073
Chi phí khác bằng tiền	2.081.685.650	1.079.092.389
	35.153.580.942	34.447.496.087

26 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải rủi ro thị trường như biến động lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2024		
Tiền	1.434.569.479	1.434.569.479
Phải thu khách hàng, phải thu khác	8.007.825.567	8.007.825.567
	9.442.395.046	9.442.395.046
Tại ngày 01/01/2024		
Tiền	1.939.460.203	1.939.460.203
Phải thu khách hàng, phải thu khác	8.087.608.449	8.087.608.449
	10.027.068.652	10.027.068.652

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, Khu nhà Quản lý điều hành các công trình thủy
điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện
Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

26 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2024				
Vay và nợ	64.261.494.527	97.331.931.168	43.118.451.215	204.711.876.910
Phải trả người bán, phải trả khác	1.357.474.610	-	-	1.357.474.610
Chi phí phải trả	1.625.334.045	-	-	1.625.334.045
	67.244.303.182	97.331.931.168	43.118.451.215	207.694.685.565
Tại ngày 01/01/2024				
Vay và nợ	62.566.377.003	97.331.931.168	67.451.434.007	227.349.742.178
Phải trả người bán, phải trả khác	929.802.400	-	-	929.802.400
Chi phí phải trả	1.495.705.509	-	-	1.495.705.509
	64.991.884.912	97.331.931.168	67.451.434.007	229.775.250.087

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

27 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
a. Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	6.949.889.157	37.465.133.981
b. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	31.495.319.542	59.729.949.457

28 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, Khu nhà Quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

29 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Năng lượng VCP	Công ty mẹ
Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp	Cổ đông góp vốn
Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La	Công ty con của Công ty mẹ
Ông Vũ Tuấn Cường	Cổ đông lớn của Công ty mẹ
Ông Vũ Hà Nam	Tổng Giám đốc Công ty con của Công ty mẹ
Ông Nguyễn Việt Hoàng	Phó Tổng Giám đốc Công ty con của Công ty mẹ

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Mua hàng hóa dịch vụ	3.507.556.196	3.073.283.340
- Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	968.888.276	922.750.740
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP	2.538.667.920	2.150.532.600
Chia cổ tức	10.896.000.000	-
- Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp	2.481.000.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP	8.415.000.000	-
Chi phí lãi vay	502.025.948	1.250.259.028
- Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	42.449.315	256.133.944
- Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La	-	168.483.287
- Ông Nguyễn Việt Hoàng	85.446.575	121.486.028
- Ông Vũ Hà Nam	-	50.768.913
- Ông Vũ Tuấn Cường	-	436.162.467
- Ông Phạm Tiến Luật	186.621.899	213.084.391
- Ông Trịnh Nguyên Khánh	50.373.911	4.139.998
- Ông Nguyễn Thanh Phương	137.134.248	-
Chi phí thuê văn phòng	324.000.000	300.000.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP	324.000.000	300.000.000
Thu nhập cho thuê xe	120.000.000	120.000.000
- Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng	36.000.000	36.000.000
- Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La	84.000.000	84.000.000

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, Khu nhà Quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

29 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

		Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt		1.140.020.000	1.112.055.909
- Ông Trịnh Nguyên Khánh	Chủ tịch HĐQT	60.000.000	60.000.000
- Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
- Ông Phạm Văn Minh	Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
- Bà Phùng Thị Thu Huyền	Thành viên HĐQT	48.000.000	28.000.000
- Ông Nguyễn Thanh Phương	Thành viên HĐQT	36.000.000	-
- Ông Lê Văn Thủy	Thành viên HĐQT	-	36.000.000
- Bà Nguyễn Thị Hà Ninh	Thành viên HĐQT	-	20.000.000
- Ông Phạm Quang Minh	Tổng Giám đốc	768.020.000	740.055.909
- Ông Phạm Tiến Luật	Phó Tổng Giám đốc	48.000.000	48.000.000
- Bà Đinh Thị Hạnh	Trưởng Ban kiểm soát	36.000.000	36.000.000
- Ông Nguyễn Hồ Ngọc	Thành viên Ban kiểm soát	24.000.000	24.000.000
- Ông Trịnh Xuân Ninh	Thành viên Ban kiểm soát	24.000.000	24.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

30 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Đỗ Thị Hồng Ngát
Người lập biểu

Đinh Thùy Lâm
Kế toán trưởng



Phạm Quang Minh
Tổng Giám đốc

Thanh Hoá, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, khu nhà quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính,
thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Phụ lục 01 : TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	250.909.211.464	211.823.946.328	1.199.819.091	39.843.636	463.972.820.519
Số dư cuối năm	250.909.211.464	211.823.946.328	1.199.819.091	39.843.636	463.972.820.519
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	40.089.453.316	57.182.725.931	1.124.830.401	1.106.768	98.398.116.416
- Khấu hao trong năm	7.654.889.369	11.107.306.897	74.988.690	13.281.212	18.850.466.168
Số dư cuối năm	47.744.342.685	68.290.032.828	1.199.819.091	14.387.980	117.248.582.584
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	210.819.758.148	154.641.220.397	74.988.690	38.736.868	365.574.704.103
Tại ngày cuối năm	203.164.868.779	143.533.913.500	-	25.455.656	346.724.237.935

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay: 346.471.026.029 VND;

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.199.819.091 VND.

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, khu nhà quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính,
thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Phụ lục 02 : CÁC KHOẢN VAY

		01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Vay ngắn hạn							
Vay ngắn hạn		1.564.168.273	1.564.168.273	43.026.680.212	8.162.336.750	36.428.511.735	36.428.511.735
- Vay cá nhân	(1)	1.564.168.273	1.564.168.273	39.026.680.212	4.162.336.750	36.428.511.735	36.428.511.735
- Công ty Cổ phần Cơ điện VCP		-	-	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả		61.002.208.730	61.002.208.730	27.332.982.792	60.502.208.730	27.832.982.792	27.832.982.792
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long	(2)	24.332.982.792	24.332.982.792	24.332.982.792	24.332.982.792	24.332.982.792	24.332.982.792
- Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	(3)	2.000.000.000	2.000.000.000	3.000.000.000	2.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
- Vay cá nhân	(4)	34.669.225.938	34.669.225.938	-	34.169.225.938	500.000.000	500.000.000
		62.566.377.003	62.566.377.003	70.359.663.004	68.664.545.480	64.261.494.527	64.261.494.527
b. Vay dài hạn							
Vay dài hạn		225.785.573.905	225.785.573.905	3.000.000.000	60.502.208.730	168.283.365.175	168.283.365.175
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội Chi nhánh Thăng Long	(2)	189.116.347.967	189.116.347.967	-	24.332.982.792	164.783.365.175	164.783.365.175
- Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	(3)	2.000.000.000	2.000.000.000	3.000.000.000	2.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
- Vay cá nhân	(4)	34.669.225.938	34.669.225.938	-	34.169.225.938	500.000.000	500.000.000
		225.785.573.905	225.785.573.905	3.000.000.000	60.502.208.730	168.283.365.175	168.283.365.175
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng		(61.002.208.730)	(61.002.208.730)	(27.332.982.792)	(60.502.208.730)	(27.832.982.792)	(27.832.982.792)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng		164.783.365.175	164.783.365.175			140.450.382.383	140.450.382.383

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, khu nhà quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính,
thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Phụ lục 02 : CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)**c. Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:**

STT	Đối tượng vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm
Ngắn hạn					
(1)	Vay cá nhân	12 tháng	8,9%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
Dài hạn					
(2)	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội Chi nhánh Thăng Long	Đến hết ngày 17/01/2032	Theo từng khế ước nhận nợ	Tài trợ chi phí đầu tư xây dựng dự án Thủy điện Xuân Minh (không bao gồm VAT dự án)	Toàn bộ tài sản thuộc dự án thủy điện Xuân Minh
(3)	Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	Từ ngày 03/12/2024 đến ngày 27/12/2025	8,9%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
(4)	Vay cá nhân	12 tháng + 1 ngày	8,9%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp

d. Các khoản vay đối với các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2024		01/01/2024	
		Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
		VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn					
- Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	Công ty con của Công ty mẹ	3.000.000.000	21.213.699	2.000.000.000	105.580.821
- Ông Phạm Tiến Luật	Phó Tổng Giám đốc	2.218.563.691	14.065.086	2.142.782.005	15.451.513
- Ông Nguyễn Viết Hoàng	Phó Tổng Giám đốc Công ty con của Công ty mẹ	-	-	1.200.000.000	8.284.932
- Ông Trịnh Nguyên Khánh	Chủ tịch HĐQT	604.516.733	3.832.470	556.369.366	4.139.998
- Ông Nguyễn Thanh Phương	Thành viên Hội đồng quản trị (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 03 năm 2024)	2.000.000.000	48.523.288		
		7.823.080.424	87.634.543	5.899.151.371	133.457.264



BÁO CÁO

TÌNH TRẠNG THIẾT BỊ TỔ MÁY H1-H2 NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN XUÂN MINH SAU KỲ BẢO DƯỠNG NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VCP
TT. Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá
Website: vcpholdings.com.vn/codienvcp

TỔNG THỂ NHÀ MÁY

TT	TÊN THIẾT BỊ	ĐÁNH GIÁ THIẾT BỊ SAU SỬA CHỮA	KẾT LUẬN
1	1101-GMA-TBMPH1(H2)-MAYPHATH1(H2) (Máy phát H1-H2)	Ổn định	Đạt
2	1101-GMA-TBMPH1(H2)-TUABINH1(H2) (Tua bin H1-H2)	Ổn định	Đạt
3	1101-GMA-DIETOC-TOMAYH1(H2) (Hệ thống điều tốc tổ máy H1-H2)	Ổn định	Đạt
4	1101-GMA-DBTKDR-TOMAYH1(H2) (HT dầu bôi trơn, kích, rò rỉ điều tốc H1-H2)	Ổn định	Đạt
5	1101-GMA-DLPHAN-TOMAYH1(H2) (Đo lường và phanh tổ máy H1-H2)	Ổn định	Đạt
6	1101-GMA-NUKYTH-TOMAYH1(H2) (Hệ thống nước kỹ thuật tổ máy H1-H2)	Ổn định	Đạt
7	1101-GMA-KICHTU-TOMAYH1(H2) (Hệ thống kích từ tổ máy H1-H2)	Ổn định	Đạt
8	1101-DKT-TDKLCU-TOMAYH1(H2) (Hệ thống LCU điều khiển tổ máy H1-H2)	Ổn định	Đạt
9	1101-DKT-HTRLBV-TOMAYH1(H2) (Hệ thống rơ le bảo vệ tổ máy H1-H2)	Ổn định	Đạt
10	1101-TTA-TMAYH1(H2) (Dây tủ trung áp 7,2KV tổ máy H1-H2)	Ổn định	Đạt

1: 1101 -GMA-TBMPH1(H2)-MAYPHATH1(H2) (Máy phát H1-H2)



❖ CÔNG VIỆC ĐÃ THỰC HIỆN

- Vệ sinh thổi bụi toàn bộ máy phát điện
- Cô góp, thay mới chổi than vành góp bị mòn
- Kiểm tra cách điện, sấy cách điện Rotor
- Kiểm tra cách điện, sấy cách cách điện Stator
- Đo điện trở một chiều cuộn dây stator (Nếu cần)
- Kiểm tra các kiểm nhiệt quận dây, sensor kiểm nhiệt trong buồng máy phát
- Thí nghiệm tổng thể máy phát
- Thông rửa các bộ làm mát không khí máy p hát, thay giăng bộ làm mát
- Hệ thống quạt làm mát, sấy máy phát:
- Vệ sinh tổng thể thiết bị
- Bảo dưỡng các khởi động từ mạch lực: Đánh sạch tiếp điểm.
- Tháo bảo dưỡng vòng bi, bạc đỡ
- Đo cách điện động cơ

- Xiết lại bu lông lắp đặt thiết bị
- Vệ sinh sơn lại các vị trí han rỉ

TÌNH TRẠNG HIỆN TẠI: Hiện tại Máy phát H1-H2 đang hoạt động ổn định

❖ TỒN TẠI

- Máy phát bám rất nhiều hơi dầu và bụi than

❖ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM TỚI

- Lắp kín buồng cô góp và đặt máy hút bụi chổi than để hạn chế bụi chổi than bay vào máy phát (nếu cần).
- Vệ sinh và kiểm tra các thông số của máy phát
- Bảo dưỡng hệ thống tủ bảng điều khiển quạt làm mát máy phát, bộ sấy

❖ ĐÁNH GIÁ :

- Hiện tại hệ thống Máy phát H1-H2 vẫn đảm bảo chất lượng hoạt động lâu dài hàng năm sẽ tiến hành kiểm tra thay thế các thiết bị hư hỏng
- Dự kiến trong 3-5 năm tới chưa có gì phát sinh lớn cần thay thế

2: 1101-GMA-TBMPH1(H2)-TUABINH1(H2) (Tua bin H1-H2)

❖ CÔNG VIỆC ĐÃ THỰC HIỆN

- Xiết lại các tay bin điều chỉnh cánh hướng
- Xử lý một số thấm dầu, rò dầu
- Đánh rỉ, vệ sinh sơn lại vành điều chỉnh cánh hướng, ống côn nối với hạ lưu
- Thay gioăng, phốt cổ trục cánh hướng số 12 H1
- Xiết lại tét chèn cổ trục Tuabin
- Kiểm tra xiết lại các vị trí rò khí chèn trục
- Thay gioăng tại các vị trí thấm, rò dầu (H2)

